

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS BÌNH LỢI TRUNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	130956	5	VŨ HUỲNH NGỌC BẢO	03/08/2004	Nữ	9A1	5.5	4	3.5	0	22
2	131004	7	HUỲNH HỒNG ĐĂNG	30/09/2004	Nam	9A1	4.75	3.75	4	0	21.25
3	131030	8	PHÙNG HOÀNG ĐỨC	13/07/2004	Nam	9A1	6.75	5	5.75	0	30
4	131041	9	NGUYỄN TẤN DŨNG	14/08/2004	Nam	9A1	6	4.25	5	0	26.25
5	131097	11	BÙI LÊ BẢO HÂN	31/10/2004	Nữ	9A1	8	8.25	4.5	0	33.25
6	131205	16	LÂM GIA HUY	14/09/2004	Nam	9A1	5.75	6.25	5.25	0	28.25
7	131225	17	LÊ THU HUYỀN	10/11/2004	Nữ	9A1	6.75	7	7.75	1	37
8	131250	18	LÊ KHANH	20/11/2004	Nữ	9A1	7.5	6.75	4.75	0	31.25
9	131285	19	TRƯỜNG ĐÌNH KHOA	12/07/2004	Nam	9A1	8.5	6	7.5	0	38
10	131327	21	BÙI PHƯƠNG LINH	26/09/2004	Nữ	9A1	5.5	2.25	3	0	19.25
11	131381	23	LÊ THỊ CẨM LY	24/05/2004	Nữ	9A1	8.5	5.75	5.25	0	33.25
12	131397	24	KHÚC CHÁNH MINH	17/05/2004	Nam	9A1	7.5	7.75	5	1	33.75
13	131420	25	NGUYỄN LÊ MY	06/04/2004	Nữ	9A1	8	7.25	3.75	0	30.75
14	131425	25	TRỊNH HUỲNH HÀ MY	10/11/2004	Nữ	9A1	6	6.25	5.5	0	29.25
15	131501	2	TRẦN THANH NGUYỄN	01/12/2004	Nữ	9A1	7.75	4.5	6	0	32
16	131541	4	PHẠM HUỲNH YÊN NHI	29/12/2004	Nữ	9A1	8	6.5	4.25	0	31
17	131596	6	NGUYỄN QUANG PHÚ	07/12/2004	Nam	9A1	7	3.75	4.75	0	27.25
18	131672	9	LÊ MINH QUỐC	06/12/2004	Nam	9A1	5.5	9.75	7.75	0	36.25
19	131826	16	PHẠM HOÀNG HUỆ THƯƠNG	31/08/2004	Nữ	9A1	5.25	3.5	5	0	24
20	131842	16	BÙI NGUYỄN THỦY TIÊN	25/04/2004	Nữ	9A1	7.25	7.25	7.25	0	36.25
21	131903	19	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG TRANG	20/06/2004	Nữ	9A1	7	7.5	6	0	33.5

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS BÌNH LỢI TRUNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	131950	21	HUỖNH MINH TÚ	15/02/2004	Nam	9A1	6.25	4.75	4.75	0	26.75
23	131989	22	NGUYỄN HỒNG UYÊN	18/08/2004	Nữ	9A1	5.5	6	5.75	0	28.5
24	132020	24	TRẦN NGUYỄN HOÀNG VINH	06/03/2004	Nam	9A1	7.75	5.5	2.75	0	26.5
25	132049	25	NGUYỄN VŨ NHẬT VY	09/01/2004	Nữ	9A1	8.5	7.5	9	0	42.5
26	132054	25	ĐÀO TIẾN VỸ	23/10/2004	Nam	9A1	6.5	7.25	7.5	0	35.25
Tổng cộng có tất cả: 26 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS BÌNH LỢI TRUNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	130843	1	NGUYỄN KHÁNH AN	07/12/2004	Nam	9A2	5.5	5	5	0	26
2	130914	4	TRẦN PHẠM TRÚC ANH	16/05/2004	Nữ	9A2	6	4.75	3.5	0	23.75
3	130925	4	NGUYỄN NGỌC ÁNH	23/05/2004	Nữ	9A2	6.5	3.25	5.75	0	27.75
4	130951	5	TRẦN GIA BẢO	25/03/2004	Nam	9A2	7	4.75	6	0	30.75
5	130952	5	TRẦN QUỐC BẢO	19/04/2004	Nam	9A2	6.5	2.5	5	0	25.5
6	130961	6	TRẦN MAI THANH BÌNH	18/03/2004	Nam	9A2	6.75	6	5.25	0	30
7	130993	7	NGÔ HÙNG KHÁNH CƯỜNG	21/09/2004	Nam	9A2	7.5	7	5	0	32
8	130996	7	PHẠM TRANG ĐÀI	30/12/2004	Nữ	9A2	7.25	5.5	5.25	0	30.5
9	131012	8	KIỀU PHƯỚC ĐẠT	30/11/2004	Nam	9A2	6.75	6.75	5.5	0	31.25
10	131083	11	TRẦN HOÀNG TRIẾT GIANG	11/03/2004	Nữ	9A2	6.75	5.25	5	0	28.75
11	131084	11	TRỊNH HOÀNG TRÚC GIANG	21/12/2004	Nữ	9A2	5.75	5	5.75	0	28
12	131095	11	LÊ TRẦN HOÀI HẢI	17/03/2004	Nam	9A2	6.5	4.5	8.25	0	34
13	131226	17	NGUYỄN NGỌC MAI HUYỀN	18/02/2004	Nữ	9A2	6.75	4	5.25	0	28
14	131241	17	LƯU VỸ KHANG	01/11/2004	Nam	9A2	7.5	7.5	8.25	1	40
15	131270	18	LƯƠNG ĐOÀN ANH KHOA	31/05/2004	Nam	9A2	7.75	3.75	9	0	37.25
16	131359	22	ĐẶNG HẢI LONG	24/02/2004	Nam	9A2	8	8.5	6.75	0	38
17	131401	24	NGUYỄN HUỲNH NHẬT MINH	06/09/2004	Nam	9A2	7.25	7.5	7.25	0	36.5
18	131407	24	TRẦN LÊ ANH MINH	03/10/2004	Nam	9A2	7.25	6	7.25	0	35
19	131419	25	NGUYỄN KIM KHÁNH MY	11/05/2004	Nữ	9A2	8	7.25	7.75	0	38.75
20	131446	26	NGUYỄN VÕ KIM NGÂN	06/01/2004	Nữ	9A2	7.5	2.25	6.5	0	30.25
21	131465	1	NGUYỄN NHƯ NGHĨA	06/07/2004	Nữ	9A2	7.75	8.5	9.75	0	43.5

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS BÌNH LỢI TRUNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	131489	2	QUÁCH BẢO NGỌC	25/06/2004	Nữ	9A2	6.25	6	5.25	0	29
23	131500	2	PHẠM NGỌC THẢO NGUYỄN	21/10/2004	Nữ	9A2	7.5	3	3.5	0	25
24	131504	2	LƯU HỮU NHÂN	24/01/2004	Nam	9A2	7	3	7.25	0	31.5
25	131514	3	LÊ MINH NHẬT	05/01/2004	Nam	9A2	7	5.75	7.25	0	34.25
26	131525	3	HOÀNG THỊ YẾN NHI	20/11/2004	Nữ	9A2	7	3.25	4.25	0	25.75
27	131560	5	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	26/09/2004	Nữ	9A2	8.25	5.25	7.25	0	36.25
28	131565	5	HOÀNG ĐÀO ÁNH NHUNG	01/10/2004	Nữ	9A2	7.5	7.5	9	0	40.5
29	131586	6	HUỲNH THANH PHONG	27/01/2004	Nam	9A2	5	4.5	6.75	0	28
30	131681	10	ĐẶNG THỊ DIỄM QUỲNH	02/05/2004	Nữ	9A2	8	4.25	5.75	0	31.75
31	131739	12	NGUYỄN HUỆ THANH	11/04/2004	Nữ	9A2	7	2.5	5	0	26.5
32	131750	12	BÙI THANH THẢO	04/02/2004	Nữ	9A2	6.75	3.5	5	0	27
33	131753	13	DƯƠNG HOÀNG THANH THẢO	26/07/2004	Nữ	9A2	7	7.75	6.75	0	35.25
34	131769	13	PHAN TIÊN THÊM	30/10/2004	Nam	9A2	6.5	4.5	9	0	35.5
35	131806	15	NGUYỄN MINH THƯ	27/09/2004	Nữ	9A2	7.75	5.25	5.75	1	33.25
36	131883	18	VÕ ANH NGỌC TRÂM	05/08/2004	Nữ	9A2	8	6.25	6.25	0	34.75
37	131905	19	NGUYỄN THẢO PHƯƠNG TRANG	29/12/2004	Nữ	9A2	6.75	5.25	7	0	32.75
38	131909	19	NGUYỄN LĨNH TRI	29/05/2004	Nữ	9A2	8	7.25	7.5	0	38.25
39	131940	20	NGUYỄN CÔNG THÀNH TRUNG	24/11/2004	Nam	9A2	8.25	8	8.25	0	41
40	131978	22	NGUYỄN NGỌC THANH TUYỀN	21/12/2004	Nữ	9A2	7.75	4	6.75	0	33
Tổng cộng có tất cả: 40 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS BÌNH LỢI TRUNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	130841	1	LÊ QUỐC AN	18/05/2004	Nam	9A3	5	2.75	2.5	0	17.75
2	130866	2	HOÀNG PHƯƠNG ANH	25/08/2004	Nữ	9A3	7	3.5	6.25	0	30
3	130867	2	HOÀNG QUỐC ANH	21/09/2004	Nam	9A3	6.75	6.25	7.25	0	34.25
4	130894	3	NGUYỄN THỤY Tú ANH	08/03/2004	Nữ	9A3	7.5	5.75	3.25	0	27.25
5	130968	6	LÊ HUỲNH NGỌC CHÂU	23/11/2004	Nữ	9A3	6.75	3.5	4.25	0	25.5
6	130980	6	VÕ HOÀNG BẢO CHÂU	23/11/2004	Nữ	9A3	6	7	7.25	0	33.5
7	131000	7	LÊ LINH ĐAN	15/02/2004	Nữ	9A3	6.25	6.25	6	0	30.75
8	131014	8	NGUYỄN HỮU ĐẠT	23/07/2004	Nam	9A3	6.25	4	5.25	0	27
9	131045	9	ĐINH THÙY DƯƠNG	06/02/2004	Nữ	9A3	7	4.75	5.75	0	30.25
10	131107	12	NGUYỄN LÊ KIM HÂN	08/04/2004	Nữ	9A3	7.5	3.75	4	0	26.75
11	131146	13	LÊ VĂN HIỆU	23/08/2004	Nam	9A3	7	7.75	6.5	0	34.75
12	131147	13	NGUYỄN VĂN HIỆU	24/04/2004	Nam	9A3	3	5.25	3	0	17.25
13	131188	15	ĐÀO LAN HƯƠNG	29/05/2004	Nữ	9A3	7.5	3.75	5.5	0	29.75
14	131295	20	TRẦN HOÀNG ANH KHÔI	26/10/2004	Nam	9A3	5.75	4.75	7	0	30.25
15	131308	20	NGUYỄN TUẤN KIẾT	09/04/2004	Nam	9A3	5.75	4.25	3.5	0	22.75
16	131337	21	NGUYỄN KHÁNH LINH	01/02/2004	Nữ	9A3	7.5	8.5	4.75	0	33
17	131354	22	NGUYỄN XUÂN LỘC	14/06/2004	Nam	9A3	6.5	4.25	4.5	0	26.25
18	131399	24	LƯƠNG NGUYỄN HOÀNG MINH	06/05/2004	Nam	9A3	7	7.5	5.25	0	32
19	131431	25	NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ	05/01/2004	Nữ	9A3	8.5	7	5.5	0	35
20	131467	1	TỔNG KIỀU THANH NGHĨA	14/05/2004	Nam	9A3	6.5	4.75	2.75	0	23.25
21	131484	1	NGUYỄN THÁI BÍCH NGỌC	06/01/2004	Nữ	9A3	6.5	3.25	5.25	0	26.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS BÌNH LỢI TRUNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	131507	2	PHAN ĐĂNG NHÂN	05/08/2004	Nam	9A3	6.5	4.75	7	0	31.75
23	131522	3	ĐÀO QUỲNH NHI	06/11/2004	Nữ	9A3	7.25	4.25	3.5	0	25.75
24	131583	6	NGUYỄN HỮU PHI	14/06/2004	Nam	9A3	5.25	3.75	5.25	0	24.75
25	131632	8	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	24/07/2004	Nữ	9A3	6.5	3	6.25	0	28.5
26	131648	8	LÊ NHẬT QUÂN	11/09/2004	Nam	9A3	6.25	7.75	7.75	0	35.75
27	131699	10	LÊ THANH SƠN	22/01/2004	Nam	9A3	6.75	2.75	5.5	0	27.25
28	131709	11	HÀ VÕ PHƯƠNG TÂM	20/05/2004	Nữ	9A3	7	6	2.75	0	25.5
29	131764	13	PHẠM HỒNG PHƯƠNG THẢO	20/05/2004	Nữ	9A3	7.75	4.25	5	0	29.75
30	131814	15	PHAN TRẦN MINH THƯ	22/06/2004	Nữ	9A3	6.5	3.5	3.5	0	23.5
31	131838	16	NGUYỄN MINH THY	27/02/2004	Nữ	9A3	6.75	3.5	5	0	27
32	131854	17	VÕ MINH TIẾN	05/11/2004	Nam	9A3	5.25	2.25	5	0	22.75
33	131870	17	TÔN THẤT TOÀN	23/11/2004	Nam	9A3	7.75	5	4.5	0	29.5
34	131873	18	BÙI PHẠM NGỌC TRAI	12/07/2004	Nữ	9A3	8	4.25	5.25	0	30.75
35	131886	18	HUỲNH BẢO TRÂN	18/02/2004	Nữ	9A3	7.75	1.75	4.25	0	25.75
36	131954	21	PHẠM NGUYỄN ANH TÚ	19/11/2004	Nữ	9A3	6	3.75	5.25	0	26.25
37	131965	21	TRỊNH ANH TUẤN	16/11/2004	Nam	9A3	6	4	5.25	0	26.5
38	131976	22	LÊ THỊ THANH TUYỀN	28/09/2004	Nữ	9A3	6.5	3.5	5.5	0	27.5
39	131983	22	TRƯƠNG ÁNH TUYẾT	12/06/2004	Nữ	9A3	6	5.75	4.25	0	26.25
40	131993	23	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG UYÊN	07/12/2004	Nữ	9A3	6.5	4	4	0	25
41	131994	23	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG UYÊN	05/07/2004	Nữ	9A3	6.75	3.25	5	0	26.75
42	132047	25	NGUYỄN THỊ ÁI VY	07/04/2004	Nữ	9A3	7.25	4	4.75	0	28
43	132063	26	NGUYỄN TRẦN HẢI YẾN	06/09/2004	Nữ	9A3	7.5	6.25	6.5	0	34.25
Tổng cộng có tất cả: 43 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS BÌNH LỢI TRUNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	130854	1	BÙI TUẤN ANH	26/03/2004	Nam	9A4	5.5	1.75	3.25	0	19.25
2	130913	4	TRẦN MINH ANH	05/04/2004	Nữ	9A4	4.75	2.75	4.5	0	21.25
3	131027	8	LÊ QUANG ĐỨC	31/01/2004	Nam	9A4	7	4.5	6	0	30.5
4	131160	14	LÊ HUY HOÀNG	19/11/2004	Nam	9A4	5.75	7	4.25	0	27
5	131161	14	LÊ NGUYỄN THANH HOÀNG	22/09/2004	Nam	9A4	5.5	3	2.5	0	19
6	131171	14	TRƯƠNG MINH HOÀNG	27/11/2004	Nam	9A4	4.75	5.75	4.25	0	23.75
7	131178	15	ĐÀO TRỌNG HÙNG	03/06/2004	Nam	9A4	5.5	6	4.75	0	26.5
8	131209	16	NGUYỄN HOÀNG HUY	01/01/2004	Nam	9A4	5.5	2.5	2.75	0	19
9	131266	18	ĐỖ TRẦN ĐĂNG KHOA	19/07/2004	Nam	9A4	6.75	4	5.5	0	28.5
10	131300	20	ĐINH DUY KHƯƠNG	02/07/2004	Nam	9A4	6.25	3.25	5	0	25.75
11	131305	20	BÙI HOÀNG TUẤN KIẾT	10/09/2004	Nam	9A4	5.5	2.5	5	0	23.5
12	131313	20	ĐÀO VÕ MỸ KIM	25/04/2004	Nữ	9A4	4.75	2.75	3	0	18.25
13	131379	23	TRẦN THÀNH LUÂN	23/04/2004	Nam	9A4	5.75	1.25	3.25	0	19.25
14	131383	23	ĐINH THỊ TUYẾT MAI	24/12/2004	Nữ	9A4	6.75	2	5	0	25.5
15	131463	1	NGUYỄN ĐÌNH NGHĨA	07/10/2004	Nam	9A4	3.25	2.5	2.25	0	13.5
16	131588	6	NGUYỄN THANH PHONG	24/03/2004	Nam	9A4	3.5	1.5	4	0	16.5
17	131621	7	NGUYỄN THIỆN PHƯỚC	09/10/2002	Nam	9A4	3.25	2.75	0.25	0	9.75
18	131694	10	PHẠM PHAN LAN QUỲNH	05/06/2004	Nữ	9A4	5.25	4	3.5	0	21.5
19	131840	16	NGUYỄN VÕ ANH THY	30/08/2004	Nữ	9A4	4.75	3.25	4	0	20.75
20	131881	18	TỔNG THỊ QUỲNH TRÂM	19/03/2004	Nữ	9A4	5.5	3.5	3	0	20.5
21	131891	18	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂN	05/03/2004	Nữ	9A4	5.5	3.25	3.5	0	21.25

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS BÌNH LỢI TRUNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	131906	19	TRẦN ĐÀO THANH TRANG	12/03/2004	Nữ	9A4	5	3.25	4.5	0	22.25
23	131964	21	TRẦN QUỐC TUẤN	16/06/2004	Nam	9A4	5.75	5.75	4	0	25.25
24	131979	22	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	19/09/2004	Nữ	9A4	5.75	3.25	4	0	22.75
25	132014	23	CAO QUỐC VINH	14/04/2004	Nam	9A4	3.75	4	3.25	0	18
Tổng cộng có tất cả: 25 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS BÌNH LỢI TRUNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	130850	1	PHAN GIA ÂN	02/01/2004	Nữ	9A5	6.75	3.5	5.5	0	28
2	130943	5	NGUYỄN MAI GIA BẢO	05/11/2004	Nam	9A5	5.75	4.25	6.5	0	28.75
3	130953	5	TRẦN THIẾU BẢO	13/04/2004	Nam	9A5	5.5	6.25	5	0	27.25
4	131046	9	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	04/10/2004	Nam	9A5	6	6	3.5	0	25
5	131124	12	NGUYỄN HỒNG HẢO	06/02/2004	Nữ	9A5	5	2.5	3.25	0	19
6	131207	16	LÊ LÂM GIA HUY	24/07/2004	Nam	9A5	6.25	1.5	2.25	0	18.5
7	131244	17	NGUYỄN HỮU KHANG	16/09/2004	Nam	9A5	5	1.75	4	0	19.75
8	131268	18	LÊ ĐĂNG KHOA	04/04/2004	Nam	9A5	6	2.5	4.25	0	23
9	131296	20	TRẦN NGUYỄN NGUYỄN KHÔI	25/12/2003	Nam	9A5	2.75	3.5	5.25	0	19.5
10	131326	21	TRẦN THỊ LIÊN	15/07/2003	Nữ	9A5	6.5	2.25	3.25	0	21.75
11	131333	21	KHÚC THỊ MAI LINH	23/09/2004	Nữ	9A5	6	2.5	2.75	0	20
12	131394	24	NGUYỄN NGỌC UYÊN MI	30/07/2004	Nữ	9A5	5.75	2.75	2	0	18.25
13	131443	26	NGUYỄN THẢO NGÂN	10/11/2003	Nữ	9A5	5	1.5	2.75	0	17
14	131527	3	KHÔNG PHƯƠNG NHI	10/03/2004	Nữ	9A5	5	4.5	3	1	21.5
15	131569	5	LÊ NGUYỄN HOÀNG OANH	01/03/2004	Nữ	9A5	7.75	6	4.25	0	30
16	131626	7	LÊ MINH PHƯƠNG	29/03/2004	Nam	9A5	5.75	2.75	2.5	0	19.25
17	131667	9	PHAN MINH QUANG	04/10/2004	Nam	9A5	5.5	4	4.75	0	24.5
18	131749	12	VŨ ĐỨC THÀNH	28/07/2004	Nam	9A5	6	1.75	3.25	0	20.25
19	131773	13	ĐỖ HỮU THIÊN	16/08/2004	Nam	9A5	5.75	2.5	2.5	0	19
20	131824	16	NGUYỄN THANH THƯƠNG	02/04/2004	Nam	9A5	5.5	1.25	3.75	0	19.75
21	131829	16	SEN PHẠM PHƯƠNG THUỶ	21/09/2004	Nữ	9A5	7.5	5.75	5	1	31.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS BÌNH LỢI TRUNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	131880	18	NGUYỄN THỤY BÍCH TRÂM	02/10/2004	Nữ	9A5	4.25	4	2.75	0	18
23	131882	18	TRẦN THỊ TUYẾT TRÂM	21/08/2004	Nữ	9A5	5.5	4	3.25	1	22.5
24	131931	20	NGUYỄN LÊ NGUYỄN THANH TRÚC	11/02/2004	Nữ	9A5	5.5	3	3.25	0	20.5
25	132018	24	NGUYỄN QUANG VINH	07/10/2004	Nam	9A5	8.25	8.75	10	0	45.25
26	132038	24	NGUYỄN NGỌC THANH VY	28/04/2004	Nữ	9A5	4.75	3.75	3.75	0	20.75
Tổng cộng có tất cả: 26 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS BÌNH LỢI TRUNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	130965	6	LÊ THỊ CHÂM	12/11/2004	Nữ	9A6	5.5	2.75	4	0	21.75
2	130992	7	TRẦN THỊ THU CÚC	17/04/2004	Nữ	9A6	6.5	3.25	6	0	28.25
3	131062	10	NGUYỄN MINH DUY	03/03/2004	Nam	9A6	6.25	5.25	4.75	0	27.25
4	131120	12	ĐỖ TUẤN HÀO	30/09/2004	Nam	9A6	6	4.5	5.25	0	27
5	131153	14	NGUYỄN THỊ THANH HOA	12/01/2004	Nữ	9A6	6.75	2.25	4	0	23.75
6	131189	15	ĐOÀN NGUYỄN GIÁNG HƯƠNG	06/03/2004	Nữ	9A6	5.25	2.5	5.5	0	24
7	131190	15	HUỲNH NGỌC SONG HƯƠNG	14/09/2004	Nữ	9A6	6.5	2.75	2.75	0	21.25
8	131228	17	TRẦN THỊ BÉ HUYỀN	13/04/2004	Nữ	9A6	5.25	2.75	2.5	0	18.25
9	131358	22	BẠCH NGUYỄN GIA LONG	23/11/2004	Nam	9A6	5.25	1.5	5.25	0	22.5
10	131374	23	VÕ TRẦN ĐỨC LONG	21/09/2004	Nam	9A6	5.5	2.75	2	0	17.75
11	131421	25	NGUYỄN LÊ HÀ MY	27/10/2004	Nữ	9A6	5.25	3.5	3.25	0	20.5
12	131464	1	NGUYỄN HIẾU NGHĨA	27/05/2004	Nam	9A6	5.5	6.25	3.25	0	23.75
13	131470	1	BÙI THANH NGỌC	05/04/2004	Nữ	9A6	7	4.75	6	0	30.75
14	131496	2	NGUYỄN PHẠM KHÁNH NGUYỄN	27/02/2004	Nữ	9A6	6.75	3.75	5	0	27.25
15	131543	4	TRẦN PHƯƠNG NHI	09/04/2004	Nữ	9A6	7.25	2.5	3.75	0	24.5
16	131595	6	NGUYỄN GIA PHÚ	18/10/2004	Nam	9A6	5.75	4	4.25	0	24
17	131609	7	TRẦN DUY PHÚC	27/04/2004	Nam	9A6	7	4	4.75	0	27.5
18	131695	10	TRẦN NGỌC TRÚC QUỲNH	31/12/2003	Nữ	9A6	6.75	1.75	2.25	0	19.75
19	131703	11	LÊ CAO THÀNH TÀI	09/07/2004	Nam	9A6	4.75	3.5	3	0	19
20	131708	11	CAO NHÂN TÂM	23/10/2004	Nữ	9A6	6	2.25	5.25	0	24.75
21	131747	12	NGUYỄN THIỆN THÀNH	28/10/2004	Nam	9A6	6.5	2.25	5	0	25.25

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS BÌNH LỢI TRUNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	131763	13	NGUYỄN THỤY THANH THẢO	27/10/2004	Nữ	9A6	7	5	6.5	0	32
23	131774	13	NGUYỄN THIÊN	11/12/2003	Nam	9A6	3.5	1	2.25	0	12.5
24	131807	15	NGUYỄN MINH THƯ	07/05/2004	Nữ	9A6	6.5	4	5.25	0	27.5
25	131859	17	PHẠM HUỠNH TRUNG TÍN	24/12/2004	Nam	9A6	4	2.25	4	0	18.25
26	131917	19	VÕ MINH TRIẾT	11/01/2004	Nam	9A6	5.75	3.25	4.5	0	23.75
27	131941	20	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	15/09/2004	Nam	9A6	5	3	3.25	0	19.5
28	131949	21	TRẦN TRUNG TRƯỜNG	08/01/2004	Nam	9A6	5.25	7.25	5.25	0	28.25
29	131957	21	NGUYỄN ANH TUẤN	12/11/2004	Nam	9A6	4.25	2	4.5	0	19.5
30	132022	24	NGUYỄN MINH VŨ	30/12/2004	Nam	9A6	6.75	3	2.75	0	22
31	132040	25	NGUYỄN NGỌC THẢO VY	20/10/2004	Nữ	9A6	6	3.5	2.75	0	21
32	132056	25	HUỠNH THỊ HOÀNG XUÂN	20/11/2004	Nữ	9A6	5.5	1.75	3.25	0	19.25
Tổng cộng có tất cả: 32 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS BÌNH LỢI TRUNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	130962	6	TRẦN QUANG THANH BÌNH	01/02/2004	Nam	9A7	6.75	4	4.5	0	26.5
2	131034	9	VŨ THỊ HỒNG ĐỨC	07/04/2004	Nữ	9A7	7.5	1.75	3.5	0	23.75
3	131035	9	TRẦN NGUYỄN MỸ DUNG	30/08/2004	Nữ	9A7	6.75	2	2.5	0	20.5
4	131058	10	LÊ MINH DUY	22/06/2004	Nam	9A7	5.75	2.5	4	0	22
5	131126	12	NGUYỄN CÔNG HẬU	24/08/2004	Nam	9A7	6	4	3.5	0	23
6	131182	15	TRẦN ĐỨC HÙNG	01/11/2004	Nam	9A7	6.25	5	1.25	0	20
7	131186	15	NGUYỄN TIẾN HÙNG	04/11/2004	Nam	9A7	6.25	6	4.75	0	28
8	131234	17	LÊ TẤN KHẢI	23/05/2004	Nam	9A7	5.25	5.5	1.75	0	19.5
9	131236	17	TRẦN QUỐC KHẢI	17/05/2004	Nam	9A7	6.25	2.75	4.25	0	23.75
10	131356	22	TRIỆU QUANG LỘC	27/01/2004	Nam	9A7	5.75	3.25	3.25	0	21.25
11	131424	25	TRẦN THỊ NGỌC MY	31/01/2004	Nữ	9A7	8.5	4	6.75	0	34.5
12	131466	1	PHÙ QUANG NGHĨA	08/03/2004	Nam	9A7	5.75	2.75	2.25	1	19.75
13	131506	2	PHẠM NGỌC NHÂN	19/12/2004	Nam	9A7	8	3.75	5.5	0	30.75
14	131552	4	LÊ LƯU QUỲNH NHƯ	10/06/2004	Nữ	9A7	7.5	5.25	3.5	0	27.25
15	131580	5	NGUYỄN XUÂN HOÀNG PHÁT	23/10/2004	Nam	9A7	5.5	2	3	0	19
16	131587	6	LÊ THÀNH PHONG	04/11/2004	Nam	9A7	4	2.25	1.5	0	13.25
17	131710	11	HOÀNG NGUYỄN MỸ TÂM	13/06/2004	Nữ	9A7	7	1.5	4.75	0	25
18	131744	12	LÊ VÕ CÔNG THÀNH	15/09/2004	Nam	9A7	2.75	4	0.75	0	11
19	131746	12	NGUYỄN CAO HOÀNG THÀNH	11/08/2004	Nam	9A7	5.75	3.25	3.5	0	21.75
20	131762	13	NGUYỄN THỊ THU THẢO	26/08/2004	Nữ	9A7	4.25	1.25	1.5	0	12.75
21	131781	14	NGUYỄN HÙNG THỊNH	10/04/2004	Nam	9A7	5.5	3.5	2.5	0	19.5

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS BÌNH LỢI TRUNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	131825	16	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	18/06/2004	Nữ	9A7	7	1.25	3	0	21.25
23	131902	19	NGUYỄN ĐỖ THÙY TRANG	12/08/2004	Nữ	9A7	6.5	2.5	3	0	21.5
24	131938	20	PHẠM NGUYỄN MINH TRỰC	06/01/2004	Nam	9A7	7.25	3.25	5	0	27.75
25	131998	23	PHẠM PHƯƠNG UYÊN	19/05/2004	Nữ	9A7	6	2.25	3.5	0	21.25
Tổng cộng có tất cả: 25 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS BÌNH LỢI TRUNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	130847	1	TRẦN QUỐC AN	18/12/2004	Nam	9A8	4.75	3.25	2	0	16.75
2	130988	7	PHẠM TRỌNG CHINH	11/11/2004	Nam	9A8	5	1.25	3.75	0	18.75
3	131042	9	TRẦN CÔNG DŨNG	25/07/2001	Nam	9A8	3.25	4.25	2	0	14.75
4	131088	11	NGUYỄN HỮU HÀ	26/01/2004	Nam	9A8	4.75	2.25	2.5	0	16.75
5	131127	13	NGUYỄN THẾ HẬU	02/08/2004	Nam	9A8	5.5	2	3	0	19
6	131137	13	LÊ NGỌC HIẾU	02/11/2004	Nam	9A8	5	9	5.25	0	29.5
7	131198	15	ĐẶNG ĐOÀN QUANG HUY	09/07/2004	Nam	9A8	6.25	4.75	4.25	0	25.75
8	131238	17	BÙI DUY KHANG	28/04/2004	Nam	9A8	4.75	3.75	4	0	21.25
9	131269	18	LƯU NGUYỄN ĐĂNG KHOA	04/12/2004	Nam	9A8	5	2.5	4.5	0	21.5
10	131294	19	SỬ TRẦN KHÔI	02/02/2004	Nam	9A8	4.5	2.75	5	0	21.75
11	131375	23	NGUYỄN THANH LUÂN	24/12/2004	Nam	9A8	8	8.25	3.25	0	30.75
12	131418	25	NGUYỄN HOÀI TRÚC MY	05/12/2004	Nữ	9A8	4	2.75	2.5	0	15.75
13	131444	26	NGUYỄN THỊ TUYẾT NGÂN	06/12/2004	Nữ	9A8	3	1.5	3	0	13.5
14	131495	2	HOÀNG NHƯ CAO NGUYỄN	30/11/2004	Nam	9A8	5	5.25	3.5	0	22.25
15	131551	4	HUỲNH NGUYỄN HOÀNG NHƯ	17/10/2004	Nữ	9A8	7.5	3.75	5	0	28.75
16	131579	5	NGUYỄN TIẾN PHÁT	23/02/2004	Nam	9A8	4.5	5.75	4.25	0	23.25
17	131585	6	HUỲNH NGỌC THANH PHONG	03/03/2004	Nam	9A8	4.5	3.5	5	0	22.5
18	131598	6	ĐINH ĐIỀN PHÚC	10/09/2004	Nam	9A8	7.5	8	4.5	0	32
19	131683	10	DƯƠNG MẠNH QUỲNH	14/11/2004	Nam	9A8	2.5	3.5	0.5	0	9.5
20	131728	12	HỒ NHẬT THẮNG	10/10/2004	Nam	9A8	6.25	3.25	5.5	0	26.75
21	131760	13	NGUYỄN THỊ THẢO	28/06/2003	Nữ	9A8	6	3.25	4.25	0	23.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS BÌNH LỢI TRUNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	131811	15	NGUYỄN TRƯƠNG MINH THƯ	05/12/2004	Nữ	9A8	5.5	3	3.25	0	20.5
23	131816	15	TRẦN HOÀNG ANH THƯ	15/03/2004	Nữ	9A8	6	1.25	3	0	19.25
24	131832	16	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG THÙY	24/04/2004	Nữ	9A8	5	3.25	5.25	0	23.75
25	131843	16	ĐINH THỦY TIÊN	08/05/2004	Nữ	9A8	4	4.25	2	0	16.25
26	131953	21	NGUYỄN THỊ THANH TÚ	18/02/2004	Nữ	9A8	4.75	2.5	2.75	0	17.5
27	131955	21	VŨ NGỌC TÚ	23/04/2004	Nam	9A8	5.5	2.5	5.75	0	25
28	131956	21	NGUYỄN ANH TUẤN	16/10/2004	Nam	9A8	5.5	4.25	4.75	0	24.75
29	131960	21	NGUYỄN THANH TUẤN	19/10/2004	Nam	9A8	5.5	7	3.5	0	25
30	132039	25	NGUYỄN NGỌC THANH VY	28/09/2004	Nữ	9A8	7	2	5	0	26
Tổng cộng có tất cả: 30 học sinh.											

